

Bản án số: 374/2021/DS-PT

Ngày: 24 - 11 - 2021

V/v: “Đòi tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Mười

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Đức Minh

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 556/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc “Đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 289/2019/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 383/2021/QĐ - PT ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Phan Tấn T, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: N, Phường X7, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Ấp X7, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ liên lạc: N, Phường X7, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Bà Quách Lan H1, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: N, Phường x6, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Nguyễn Xuân H2, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: X16 đường T, phường T1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/Bà Phạm Thị T2, đã chết ngày 25/4/2020

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T2: Ông Phan Tấn T, sinh năm 1964.

2/Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: USA.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Quách Lan H1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 14/11/2016 và bản tự khai ngày 27/12/2016, ông Nguyễn Thành H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 10/01/2009, ông Phan Tấn T có cho bà Quách Lan H1 vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 07 ngày. Từ khi vay đến nay bà H1 chưa thanh toán số tiền nêu trên, ông T đã nhiều lần liên hệ và đưa ra nhiều biện pháp thương lượng nhưng bà H1 không hợp tác và cố tình né tránh.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà H1 trả số tiền 1.500.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

*Tại bản tự khai ngày 27/12/2016, bị đơn bà Quách Lan H1 trình bày:*

Bà và vợ chồng ông Phan Tấn T, bà Phạm Thị T2 là bạn bè làm ăn. Do cần tiền để đáo hạn ngân hàng nên ngày 10/01/2009 (trong giấy vay tiền ghi ngày 10/1/009) bà có viết giấy vay tiền với ông Phan Tấn T, số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 07 ngày kể từ ngày viết giấy.

Số tiền vay 1.500.000.000 đồng bà nhận từ bà T2 là vợ ông T. Bà đã trả cho bà T2 đúng như thỏa thuận trong giấy vay tiền, vì là chỗ bạn bè tin tưởng nhau nên khi trả tiền, bà không yêu cầu bà T2 ghi giấy biên nhận và cũng không lấy lại bản gốc giấy vay tiền. Bà không có gì chứng minh đã trả tiền, lý do bà mượn của bà T2 nhưng viết lại giấy nợ cho ông T, vì thời điểm đó bà T2 làm nghề đảo nợ cho vay với lãi suất cao và đang vướng vào vụ thua kiện.

Nay bà không đồng ý trả số tiền 1.500.000.000 đồng cho ông T, vì đã đủ số tiền nêu trên.

*Tại bản tự khai ngày 11/10/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T2 ủy quyền cho ông Nguyễn Thành H trình bày:*

Ông Phan Tấn T là chồng bà T2, việc vay tiền giữa ông T và bà H1 thì bà T2 có biết. Số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng bà. Bà T2 đã nhiều lần cùng ông T yêu cầu bà H1 trả số tiền 1.500.000.000 đồng. Nay bà T2 ủy quyền cho ông H, yêu cầu bà H1 trả lại cho ông T số tiền trên ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số 289/2019/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2019 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Tấn T

Buộc bà Quách Lan H1 có nghĩa vụ trả cho ông Phan Tấn T số tiền 1.500.000.000 đồng. Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông Phan Tấn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Quách Lan H1 chưa thi hành số tiền nêu trên thì bà H1 còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chậm thi hành án.

*Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.*

*Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/5/2020 bị đơn bà Quách Lan H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.*

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong phần tranh luận, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo bà Quách Lan H1, hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ sơ thẩm xử lại, để bà H1 có cơ hội thu thập chứng cứ chứng minh phần tiền đã trả cho bà T2.

*Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:*

- Về tố tụng, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, tài liệu chứng cứ ông T đưa ra chứng minh bà H1 có vay tiền là giấy biên nhận ngày 10/01/2009. Bà H1 thừa nhận, nhưng cho rằng đã trả số tiền 1.500.000.000 đồng cho bà T2 nhưng không có chứng cứ chứng minh. Bà H1 và ông B đã ly hôn, việc vay tiền là do cá nhân bà H1 vay nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt ông B không ảnh hưởng quyền lợi ông B. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt. Xét, sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn không có kháng cáo. Theo kết quả kiểm tra tổng đạt thì ông Nguyễn Thành H (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) đã nhận được giấy triệu tập. Hồ sơ vụ án đã thể hiện yêu cầu và ý kiến trình bày của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Ông Phan Tấn T có cho bà Quách Lan H1 vay số tiền 1.500.000.000 đồng theo giấy biên nhận ngày 10/01/2009, thời hạn vay là 07 ngày. Nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu bà H1 trả số tiền trên và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Quách Lan H1 thừa nhận có vay số tiền trên, nhưng nhận tiền từ bà Phạm Thị T2 (vợ ông T). Sau đó, bà H1 đã trả đầy đủ số tiền trên cho bà T2 nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn:

[3.1] Theo giấy vay tiền ngày 10/01/2009 (BL 25) có nội dung: Bà Quách Lan H1 làm giấy vay mượn của ông Phan Tấn T số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 07 ngày. Tại bản tự khai ngày 27/12/2016, bà H1 xác nhận có vay tiền từ vợ chồng ông T, bà T2 và xác nhận chữ ký, chữ viết trong giấy biên nhận ngày 10/01/2009 là của bà. Tại bản tự khai ngày 27/12/2016, bà H1 cho rằng bà nhận tiền từ bà Phạm Thị T2 (vợ ông T) và bà đã trả đủ số tiền trên cho bà T2 theo như giấy thỏa thuận. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không thừa nhận lời trình bày này của bị đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông T về việc buộc bà H1 trả số tiền nợ 1.500.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Bị đơn kháng cáo cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt ông B là vi phạm tố tụng, và bị đơn đã trả số tiền 1.500.000.000 đồng cho bà T2. Xét, ông Huỳnh Văn B có địa chỉ cư trú ở nước ngoài. Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc ủy thác tư pháp đối với ông B đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với ý kiến cho rằng bà H1 đã trả đủ số tiền nợ cho bà T2 thì ngoài lời trình bày, bị đơn không có chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Bị đơn bà Quách Lan H1, sinh năm 1959 nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Quách Lan H1; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 289/2019/DS-ST ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 153, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Tấn T

Buộc bà Quách Lan H1 có nghĩa vụ trả cho ông Phan Tấn T số tiền 1.500.000.000 đồng. Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông Phan Tấn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Quách Lan H1 chưa thi hành số tiền nêu trên thì bà H1 còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Quách Lan H1 được miễn, hoàn trả 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0025861 ngày 10/6/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- ND (1);
- BD (1);
- NLQ (2);
- Lưu (10) 19b (Án39).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Mười**